

MÔ HÌNH THỰC TẬP TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG TẠI CÁC TRƯỜNG THỰC HÀNH SỰ PHẠM VỆ TINH CHO SINH VIÊN NGÀNH CỬ NHÂN TÂM LÝ HỌC

NGUYỄN THỊ TRÂM ANH - HỒ THỊ THUÝ HẰNG*

Ngày nhận bài: 18/09/2016; ngày sửa chữa: 19/09/2016; ngày duyệt đăng: 20/09/2016.

Abstract: Internship activities for psychology students of College of Education- The University of Da Nang have been carried out for years, but training program does not match with the demands of psychology support in schools. The article mentions design and organization of internship activities for psychology students in Da Nang city with aim to raise social awareness and meet the needs of psychological support professionally. Also, these activities are to form professional competence for psychology students.

Keywords: Internship, student, psychology student, College of Education - The University of Da Nang.

1. Đặt vấn đề

Chuyên gia tâm lý học đường (TLHĐ) chuyên nghiệp là những người được cấp bằng đào tạo về tâm lý học/TLHĐ với những kỹ năng chuyên biệt để hỗ trợ việc học, nhu cầu phát triển cá nhân, xã hội và nghề nghiệp của học sinh. Để trở thành một chuyên gia, nhất thiết phải phát triển được các khuynh hướng giá trị và nhận thức nghề nghiệp, các lĩnh vực ý chí tình cảm, mối quan hệ tích cực với thế giới và bản thân, phát triển tính độc lập, tính tự chủ và tự tin vào bản thân, thông thạo nghề và phát triển các phẩm chất nghề nghiệp quan trọng. Buiakas T.M (2005) nhận định rằng, các nền tảng để trưởng thành nghề nghiệp của các nhà tâm lý tương lai là: Lối tiếp cận công việc sáng tạo; tổ chức kết hợp, thống nhất các quá trình hoạt động của nghề nghiệp và cuộc sống; cấp độ phát triển các lĩnh vực ý nghĩa tổng thể. Nội dung cơ bản của trưởng thành nghề nghiệp hoặc là sự phát triển nhân cách của sinh viên (SV) - nhà tâm lý là sự trưởng thành các phẩm chất nhân cách nhà tâm lý tương lai. Trong công trình nghiên cứu của Kalkova X.M. (2007) về sự phát triển nhân cách nhà tâm lý học tương lai đã chỉ ra công việc với thân chủ yêu cầu phải có ở nhà tâm lý tổng thể các phẩm chất nhân văn. Những phẩm chất nhân văn đó là: Nền tảng đạo đức tích cực; cấp độ tự duy lý luận và xã hội cao; thấu cảm; phản biện; năng lực hoạt bát; quan điểm sống tích cực; có niềm tin vào tiềm năng nhân văn của con người.

Trong bất cứ loại hình đào tạo nghề nào cũng cần đến hoạt động thực hành, thực tập, bởi đây là yếu tố quan trọng cho việc hình thành năng lực nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn đầu ra của cơ sở đào tạo. Đào tạo nghề Tâm lý được xem là dạng đào tạo nghề đặc biệt, nghề làm việc với con người (mà chủ yếu là làm việc về mặt tinh thần của con người). Nó đặc biệt không

chỉ bởi tính chất nghề mà còn bởi độ khó khăn và mới mẻ tại Việt Nam hiện nay khi mà trước những đổi thay của cuộc sống, đời sống tinh thần con người cũng biến động bởi rất nhiều các yếu tố tác động, trong khi đó nghề tâm lý học chưa có mã nghề trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là trong trường học; chưa có và cả hệ thống kiểm định việc thực hành nghề với những quy điều đạo đức, năng lực nghề. Do vậy, mỗi cơ sở đào tạo linh hoạt xây dựng các chuẩn đầu ra cho việc đào tạo nghề tâm lý dựa trên chuẩn nghề nghiệp thế giới và phù hợp một cách tương đối với tình hình thực tiễn Việt Nam.

Từ năm học 2014-2015, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đã triển khai thực tập sự phạm theo mô hình "Trường thực hành sự phạm vệ tinh". Mô hình này giúp SV khỏi sự phạm và SV cử nhân tâm lý được tham gia trải nghiệm tất cả các hoạt động tại trường phổ thông trong suốt năm học, giúp các em kết nối giữa lý thuyết và thực hành ngay trong quá trình đang học tập ở năm thứ 2, thứ 3 trên giảng đường. Trong đợt thí điểm, SV được thực tập tại 4 trường sự phạm vệ tinh ở 4 cấp học, trong đó SV cử nhân Tâm lý học thực tập tham vấn TLHĐ tại 3 cấp học: Mầm non, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Để xây dựng và phát triển chương trình thực tập theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân TLHĐ, cần có những khảo sát, đánh giá quá trình thực tập của SV và nhu cầu của các cơ sở thực tập nhằm xác định những nhiệm vụ đúng đắn giúp hình thành phẩm chất, năng lực nghề nghiệp cho SV.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá chương trình thực tập cử nhân tâm lý,

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

nhận thức và nhu cầu của các cơ sở thực tập (các trường phổ thông), bài nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra và phỏng vấn nhằm thu thập thông tin cho vấn đề nghiên cứu.

- *Phương pháp bảng hỏi* (dành cho SV) được thiết kế thành 22 câu hỏi được tập trung vào các vấn đề: không gian và thời gian thực tập, giáo viên hướng dẫn, nội dung thực tập, nhiệm vụ thực tập, kiểm tra - đánh giá trong thực tập.

- *Phương pháp phỏng vấn* có kết cấu 5 câu (dành cho giáo viên tại các cơ sở thực tập) chủ yếu về nhận thức công việc của nhà TLHĐ, nhiệm vụ thực tập của SV cử nhân tâm lý và nhu cầu tiếp nhận SV ngành cử nhân tâm lý.

Khách thể nghiên cứu bao gồm 29 SV khoa Tâm lý - Giáo dục khóa đào tạo 2013-2017 đang thực tập ở 3 trường “vệ tinh” và giáo viên, cán bộ quản lý các trường mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông (110 giáo viên và cán bộ quản lý).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Chương trình thực tập của SV ngành Cử nhân tâm lý Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng tại các trường học trên địa bàn TP. Đà Nẵng:

3.1.1. *Mục tiêu của chương trình thực tập*: Để hình thành phẩm chất năng lực nghề cho SV ngành cử nhân tâm lý trong quá trình thực tập tại các trường vệ tinh, chương trình thực tập xác định các phẩm chất và năng lực SV cần đạt là: - *Về phẩm chất*: tích cực, chủ động, trung thực, tôn trọng, sáng tạo, độc lập, chuyên cần và khoa học; - *Về năng lực*: nghiên cứu, nhận diện và đánh giá, tổ chức các hoạt động phòng ngừa và phát triển nhân cách cho học sinh, can thiệp (tư vấn, tham vấn, trị liệu), kết nối. Trên cơ sở các phẩm chất, năng lực cần đạt, chương trình thực tập được xây dựng với hệ thống các nhiệm vụ tương ứng: nghiên cứu khoa học; mô tả đặc điểm nhà trường và đặc điểm tâm lý học sinh của nhà trường; mô tả trường hợp tham vấn trị liệu; thiết kế và tổ chức hoạt động nói chuyện chuyên đề và giáo dục kỹ năng sống/giá trị sống; viết nhật ký thực tập. Mục tiêu cụ thể như sau: - SV có kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn về đối tượng và cơ sở thực tập; có thể triển khai nghiên cứu một vấn đề tâm lý mà SV quan tâm và được hướng dẫn; - SV có kỹ năng sử dụng các công cụ đánh giá (các trắc nghiệm tâm lý, bảng kiểm, phiếu điều tra...) nhằm sàng lọc, phát hiện vấn đề tâm lý theo yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra của cơ sở

đào tạo và cơ sở thực tập; hỗ trợ can thiệp các trường hợp tại cơ sở thực tập bằng tư vấn, tham vấn, trị liệu, kết nối các nguồn lực; tổ chức, trình bày và hướng dẫn thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề/tập huấn, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống; xây dựng kế hoạch, lưu trữ hồ sơ trong thực hành tâm lý; xây dựng phòng tham vấn/tư vấn TLHĐ tại các cơ sở thực tập (trang trí, tạo lập hồ sơ lưu trữ, sắp xếp các vị trí...).

3.1.2. *Thời gian thực tập*: Học phần “Thực tập tốt nghiệp” được phân thành 2 phần, mỗi phần 10 tuần: *Thực tập tốt nghiệp 1* (1 tín chỉ) thực hiện vào học kỳ 6 của chương trình đào tạo; *Thực tập tốt nghiệp 2* (2 tín chỉ) thực hiện vào học kỳ 7 của chương trình đào tạo.

3.1.3. *Phương thức tổ chức*: Thực hiện theo phương thức thường xuyên đưa SV đến các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, mầm non - gọi tắt là Trường Thực hành sư phạm vệ tinh và được biên chế như người giúp việc cho cán bộ làm công tác tư vấn TLHĐ. Thời gian thực tập kéo dài trong 01 năm. SV thực tập cùng với giáo viên hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực tập cá nhân dựa trên quy định của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; SV tham gia ở trường vệ tinh ít nhất 02 buổi/tuần. Trường phối hợp với các trường vệ tinh quản lý, tổ chức thực tập và đánh giá kết quả thực tập theo đúng nội dung và quy trình hướng dẫn của nhà trường.

3.1.4. *Nội dung thực tập và tiêu chí đánh giá*: Mỗi phần thực hiện 10 tuần/học kỳ, theo các nội dung như sau:

Nội dung	Nhiệm vụ cụ thể	Đánh giá (thang điểm 10)
Nghiên cứu khoa học 1	- Xây dựng đề cương nghiên cứu; - Nghiên cứu lý luận; - Xác định và thiết kế các phương pháp nghiên cứu.	(X1) Trọng số 0,4
Tìm hiểu đặc điểm nhà trường và đặc điểm tâm lý học sinh	- Mô tả về đặc điểm nhà trường; - Mô tả đặc điểm tâm lý học sinh trong nhà trường.	(X2) Trọng số 0,1
Nghiên cứu chân dung tâm lý học sinh	- Quan sát và tiếp cận trường hợp học sinh; - Nghiên cứu tiểu sử học sinh; - Xác định chân dung tâm lý học sinh (trí tuệ, nhân cách, giao tiếp...).	(X3) Trọng số 0,2
Nói chuyện chuyên đề	- Tổ chức nói chuyện chuyên đề về kỹ năng sống hoặc Giá trị sống.	(X4) Trọng số 0,2
Viết nhật ký thực tập	Nội dung nhật ký hàng ngày	(X5) Trọng số 0,1

- Thực tập tốt nghiệp:

- *Thực tập tốt nghiệp 2*: (xem bảng trang bên)

3.2. *Đánh giá quá trình thực tập của SV ngành Cử nhân tâm lý tại các trường học trên địa bàn TP. Đà Nẵng*. Khi được hỏi về ý nghĩa của hoạt động

Nội dung	Nhiệm vụ cụ thể	Đánh giá (thang điểm 10)
Nghiên cứu khoa học 2	- Triển khai nghiên cứu thực tiễn; - Xử lý và phân tích thông tin; - Đề xuất, khuyến nghị.	(X6) Trọng số 0,4
Hỗ trợ trường hợp bằng tham vấn, tư vấn, kết nối các nguồn lực	- Tiếp cận học sinh có nhu cầu tham vấn; - Xác định vấn đề tham vấn; - Xây dựng case tham vấn; - Phức trình case tham vấn.	(X7) Trọng số 0,3
Thiết kế và tổ chức dạy kĩ năng sống/giá trị sống	- Xác định chủ đề; - Thiết kế nội dung bài giảng Giá trị sống (trình bày 1 bài giảng và tài liệu trình bày); - Thực hành dạy kĩ năng sống/giá trị sống; - Thiết kế phiếu đánh giá tham gia lớp học; - Mô tả diễn biến lớp học và đánh giá mức độ hài lòng của học sinh.	(X8) Trọng số 0,2
Viết nhật kí thực tập	Nội dung nhật kí hàng ngày	(X9) Trọng số 0,1

thực tập tại các trường “vệ tinh” đối với bản thân, đa số các em đều cho rằng, mô hình thực tập mới này giúp các em tiếp cận và hiểu hơn về TLHĐ, hình dung rõ hơn về công việc trong tương lai; được kết hợp giữa lí thuyết và thực tiễn, có cơ hội thực hành những kiến thức đã học. Thông qua quá trình thực tập, các em được trải nghiệm, học hỏi và rèn luyện các kĩ năng như giao tiếp, làm việc nhóm... Bản thân các em cũng tự đánh giá về mức độ thực hiện nhiệm vụ thực tập như sau (bảng 1):

Bảng 1. Tự đánh giá của SV về kết quả thực hiện các nội dung thực tập

Nội dung	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1. Lập kế hoạch thực tập	10	19	0	0
2. Viết nhật kí thực tập	13	13	3	0
3. Triển khai nghiên cứu khoa học	9	14	6	0
4. Mô tả đặc điểm tâm lí học sinh	8	20	1	0
5. Chẩn đoán, đánh giá sàng lọc vấn đề tâm lí học sinh	6	18	5	0
6. Tiếp cận tìm hiểu học sinh	14	12	3	0
7. Tổ chức nói chuyện chuyên đề/ dạy kĩ năng sống/giá trị sống	8	14	7	0
8. Thực hiện case tham vấn, hỗ trợ tâm lí	6	11	10	2

Bảng 1 cho thấy, nội dung thực tập mà các em thực hiện tốt nhất là lập kế hoạch cho kì thực tập, tiếp cận tìm hiểu và mô tả đặc điểm tâm lí của học sinh. Việc viết nhật kí thực tập cũng được các em tiến hành nghiêm túc, khoa học. Nội dung thực tập các em gặp khó khăn nhất là thực hiện case tham vấn, hỗ trợ tâm lí; có đến 12 SV thực hiện nhiệm vụ này ở mức độ trung bình và yếu.

3.3. Đánh giá các cơ sở thực tập là trường học tại TP. Đà Nẵng. Hầu hết ở các trường thực hành sư phạm vệ tinh - nơi SV xuống thực tập - đều chưa có cán bộ chuyên trách tư vấn TLHĐ. Do đó, đội ngũ giáo viên hướng dẫn tại trường chủ yếu là giáo viên bộ môn (16 người), cán bộ quản lí (6 người), tổng phụ trách đội (3 người), nhân viên y tế (3 người).

Với nội dung thực tập bao gồm: chẩn đoán đánh giá sàng lọc các vấn đề tâm lí, tổ chức nói chuyện chuyên đề/dạy kĩ năng sống, thực hiện case tham vấn hỗ trợ tâm lí, SV cần có phòng tham vấn để tiến hành các nội dung trên. Thực tế cho thấy, nơi chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ thực tập của SV như sau (bảng 2):

Bảng 2. Nơi thực hiện các nhiệm vụ thực tập

Phòng tham vấn học đường	11 (37,9%)
Phòng y tế	3 (10,3%)
Phòng Hội đồng	0
Văn phòng Đội	1 (3,4%)
Lớp học	8 (27,6%)
Ghế đá trong sân trường	1 (3,4%)
Khác	5 (17,2%)

Nơi thường xuyên được các em sử dụng để thực hiện những nội dung của đợt thực tập vẫn là phòng tham vấn học đường của nhà trường. Tuy nhiên, ở một số cơ sở thực tập chưa có phòng tham vấn, các em phải sử dụng phòng y tế, lớp học, văn phòng đội để chẩn đoán, đánh giá sàng lọc và tham vấn tâm lí. Việc thực hiện các nội dung thực tập có thể diễn ra mọi lúc, mọi nơi trong trường học khi các em xuống trường phổ thông.

Theo quy định, mỗi tuần SV sẽ xuống cơ sở thực tập ít nhất 2 buổi/tuần. Trong thực tế, thời gian các em thực tập ở trường như sau (bảng 3):

Bảng 3. Thời gian thực hiện các nhiệm vụ thực tập ở trường phổ thông

3-5 buổi/tuần	20 (68,9%)
Thời gian vào các ngày, các buổi được thảo luận với nhà trường vệ tinh	2 (6,9%)
Thời gian tối thiểu theo quy định của Trường	3 (10,4%)
Đến bất cứ thời gian nào khi cần	0
1 buổi/tuần	2 (6,9%)
> 5 buổi/tuần	0
Khác	2 (6,9%)

Đa số các em xuống cơ sở thực tập nhiều hơn số buổi tối thiểu được quy định: Có 68,9% số SV thực tập ở trường vệ tinh trên 2 buổi/tuần. Chỉ một số ít SV thực tập tại cơ sở theo thời gian tối thiểu được ban hành trong quy định thực tập vệ tinh. Đặc biệt, vẫn có SV chỉ xuống cơ sở thực tập 1 buổi/tuần.

4. Bàn luận

Mô hình thực tập sư phạm và thực tập tham vấn tâm lý tại các trường thực hành sư phạm vệ tinh bước đầu đã nhận được kết quả khả quan và phản hồi tốt từ các trường vệ tinh. Đối với SV thực tập tham vấn tâm lý, đa số các cơ sở thực tập đều đề cao hiệu quả công việc mà các em đã thực hiện và cho rằng, sự có mặt của chuyên viên TLHĐ tại trường học là hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, quá trình thực tập của các em cũng còn gặp phải một số vấn đề sau:

- Việc lập kế hoạch cho kì thực tập được SV tiến hành khá tốt (*bảng 1*). Có điều này là do các em tự nghiên cứu, tham khảo kế hoạch thực tập của các khoá trước, sau đó được giảng viên hướng dẫn tại khoa và tại cơ sở thực tập góp ý, chỉnh sửa. Thông qua các môn học như Tâm lý học phát triển, Tâm lý học chẩn đoán... SV có khả năng tiếp cận và mô tả đặc điểm tâm lý học sinh nên đa số SV hoàn thành tốt nội dung thực tập này. Tuy nhiên, các em cũng gặp khó khăn trong việc sắp xếp thời gian, lựa chọn và sử dụng công cụ chẩn đoán để tiến hành các đánh giá. Trong quá trình thực tập, các em phải tổ chức một buổi nói chuyện chuyên đề hoặc dạy kĩ năng sống. SV gặp rất nhiều khó khăn khi tiến hành nhiệm vụ trên vì các em thuộc hệ cử nhân nên không được đào tạo nghiệp vụ sư phạm, chưa có kinh nghiệm soạn bài và dạy kĩ năng sống. Do đó, cần trang bị, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV trước khi các em xuống trường phổ thông.

- Một nhiệm vụ trọng tâm của kì thực tập là thực hiện ca tham vấn/hỗ trợ tâm lý. Các em phải tiếp cận học sinh có nhu cầu tham vấn, xác định vấn đề, xây dựng và phúc trình case tham vấn. Trên thế giới, để trở thành một nhà tham vấn tâm lý, người học cần có thời gian đào tạo trung bình là 8-9 năm, trong đó có 5 năm thực hành và có một số chứng chỉ về kĩ năng nghề chuyên sâu, hoặc họ phải đạt ở trình độ tiến sĩ tâm lý học thực hành (3-4 năm) và thực hành 1 năm nội trú dưới sự giám sát toàn thời gian [1]. Như vậy, để trở thành một nhà tham vấn TLHĐ, SV phải được đào tạo nhằm bồi dưỡng chuyên sâu về kĩ năng và những yêu cầu khác cho việc làm tham vấn TLHĐ; phải tuân thủ những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức được quy định cho những nhà tham vấn tâm lý và tham vấn TLHĐ [2]. Trong thực tế, SV mới chỉ được tiếp cận với lĩnh vực tham vấn thông qua môn học Tham vấn tâm lý và Thực hành tham vấn tâm lý. Các em chủ yếu mới học lí thuyết mà chưa có cơ hội được tiếp cận với thân chủ thật ở ngoài đời, vì vậy đa số đều cảm thấy lúng túng khi tiếp cận và xác định vấn đề của học sinh. Thời

gian để thực hiện các ca tham vấn ngắn, chủ yếu là giờ giải lao giữa các tiết học; học sinh quá kì vọng vào “nhà tham vấn” và thường mong muốn được “nhà tham vấn” đưa ra lời khuyên hoặc giải quyết được vấn đề trong một buổi tham vấn; chưa có phòng tham vấn tâm lý (*bảng 2*) cũng là những áp lực đối với SV khi thực hiện nhiệm vụ tham vấn tâm lý trong nội dung thực tập. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng cũng đã đề xuất hỗ trợ các trường phổ thông để thành lập phòng tham vấn tâm lý trong trường học.

- Trước đây, SV chỉ thực tập vào kì cuối cùng của năm thứ 4 và dành toàn bộ thời gian (3 tháng) để xuống cơ sở thực tập. Với mô hình thực tập vệ tinh, SV xuống cơ sở từ học kì 2 năm thứ 3 và học kì 1 năm thứ 4; thực tập được tiến hành song song với việc học ở trường, kiến thức được kết nối với thực tiễn. Tuy nhiên, điều này cũng gây khó khăn cho các em khi cân đối thời gian học trên lớp và thực tập tại cơ sở (*bảng 3*). Nhiều cơ sở thực tập yêu cầu SV có mặt hầu hết các buổi trong tuần và tham gia tất cả các hoạt động của nhà trường trong khi các em vẫn còn phải học trên lớp với khối lượng kiến thức chuyên ngành khá lớn. Do đó, nếu SV xuống cơ sở thực tập nhiều thì sẽ phải nghỉ học một số buổi ở trên lớp và ngược lại. Để khắc phục tình trạng này, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đã có điều chỉnh thời khoá biểu cho những khoa có SV đi thực tập vệ tinh, đồng thời thống nhất kế hoạch với cơ sở thực tập nhằm tạo điều kiện cho SV có thể dành nhiều thời gian xuống cơ sở thực tập mà không ảnh hưởng đến việc học ở trường.

Những giải pháp trên có thể giúp hạn chế các khó khăn và phát huy hơn nữa những ưu điểm của mô hình thực tập vệ tinh. Bên cạnh đó, một giải pháp được phía Sở GD-ĐT TP. Đà Nẵng đưa ra là “Các trường tham gia mô hình phải đưa hoạt động này vào kế hoạch và nhiệm vụ hoạt động năm học. Các trường phải ưu tiên bố trí giáo viên hướng dẫn, cơ sở vật chất, thời khóa biểu,... cho SV thực tập. Phải xem giáo sinh thực tập là thành viên của trường. Đồng thời, xây dựng mối quan hệ bình đẳng, dân chủ giữa giáo viên hướng dẫn và SV”.

Việc đổi mới hoạt động thực tập theo mô hình thực tập “vệ tinh” là cơ hội để SV học tập và trưởng thành nhanh nhất, là cầu nối giữa SV với thế giới nghề nghiệp, giữa mô hình đào tạo với thế giới việc làm và là cơ sở để chỉnh sửa chương trình đào tạo cho phù hợp với

(Xem tiếp trang 75)

có tính chất phân loại giữa các SV với nhau, chưa chú ý tới định hướng năng lực người học; + *Đối với PPDH, kiểm tra, đánh giá theo định hướng PTNL*: GV là người tổ chức, hướng dẫn SV học tập thông qua hoạt động, nhằm rèn luyện và phát triển nhận thức, kĩ năng ứng dụng trong học tập và thực tế đời sống. Phối hợp linh hoạt các phương pháp và các hình thức dạy học tích cực trong giảng dạy trên lớp. Chú trọng hướng người học phát hiện và giải quyết vấn đề trong học tập, bám sát thực tiễn. SV là chủ thể trong quá trình học tập với ý thức chủ động, tích cực và sáng tạo. Kiểm tra, đánh giá hướng vào sự PTNL của mỗi cá nhân SV. Chú trọng vào khả năng vận dụng kiến thức, kinh nghiệm với các tình huống khác nhau trong học tập và thực tiễn. Kết quả kiểm tra, đánh giá căn cứ mục tiêu theo định hướng năng lực và không có tính chất so sánh giữa các SV với nhau. Thang đánh giá theo mức độ năng lực và mức độ phát triển của mỗi SV (không dựa theo nội dung kiến thức cụ thể) được chia theo các bậc: *Bậc 1* (nhớ, biết); *Bậc 2* (hiểu, áp dụng); *Bậc 3* (phân tích, tổng hợp, đánh giá).

Để có thể lựa chọn được những giải pháp mang tính khoa học, hợp lí và khả thi nhằm tăng cường hơn nữa công tác đổi mới PPDH, kiểm tra, đánh giá theo định hướng POHE nhằm PTNL SV Khoa TĐTT, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, ngoài việc căn cứ vào thực trạng, cơ sở lí luận và thực tiễn như đã trình bày ở phần trên, đề tài tiến hành tham khảo các công trình nghiên cứu về đổi mới PPDH, kiểm tra, đánh giá theo hướng PTNL cho SV và bước đầu đề xuất một số giải pháp sau:

- Cần xác định vị trí năng lực của GV, mỗi GV phải tự nâng cao năng lực tự học, khơi dậy tiềm năng vốn có của mỗi người, biết phát huy chính nội lực của bản thân mình.

- GV phải được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề, hội thảo khoa học, tham gia các dự án nhằm nâng cao năng lực cần thiết về nghiệp vụ sư phạm cho GV.

- Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV như tổ chức sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, rút kinh nghiệm, đi thực tế ở một số trường bạn.

- Tập huấn cho GV về nội dung, hình thức thi, kiểm tra, đánh giá như: ra đề hình vấn đáp, phương pháp đánh giá người học.

PPDH, kiểm tra, đánh giá theo định hướng POHE của Khoa TĐTT, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên đã có nhiều đổi mới so với phương pháp truyền thống trong việc PTNL cho SV. Tuy nhiên, công tác này vẫn

cần tiếp tục đổi mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền giáo dục thời kì mới. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2014). *Công văn số 4099/BGDĐT-GDTrH về Hướng dẫn dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng năng lực*.
- [2] Chính phủ (2005). *Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
- [3] Lâm Quang Thiệp (2013). *Tổng quan về chính sách giáo dục đại học Việt Nam và ý nghĩa đối với phát triển giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp ứng dụng*. Dự án Phát triển giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng, Bộ GD-ĐT.
- [4] Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (2014). *Sổ tay phát triển chương trình đào tạo ngành thể dục thể thao*.
- [5] Lê Tấn Đạt (2010). *Nghiên cứu sự phát triển thể dục thể thao giải trí ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên để xây dựng môn học chuyên ngành thể dục thể thao giải trí của trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học. Trường Đại học Thể dục Thể thao.

Mô hình thực tập tâm lí học đường...

(Tiếp theo trang 93)

yêu cầu thực tiễn. Để mô hình này triển khai có hiệu quả, cần có sự phối kết hợp đồng bộ giữa Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng với Sở GD-ĐT TP. Đà Nẵng và các trường vệ tinh thông qua các hoạt động như tổ chức seminar, dự giờ trực tuyến, đưa giảng viên đại học xuống dạy một số tiết ở trường phổ thông... Đối với khoa Tâm lí - Giáo dục, cần tăng cường rèn luyện các kĩ năng nghề nghiệp cho SV, nhất là trong lĩnh vực tham vấn TLHĐ. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Thị Minh Đức (2008). *Giám sát sinh viên thực tập thực tế: Một công việc có tính chuyên nghiệp*. Tạp chí Tâm lí học, số 2 (107), tr 18-24.
- [2] Ngô Minh Uy (2007). *Tham vấn tâm lí học đường, lịch sử và phát triển*. Kỉ yếu Hội thảo khoa học “Hỗ trợ tâm lí cho học sinh, sinh viên”, tháng 12.
- [3] Buiakas T.M (2005). *Cơ sở và điều kiện đào tạo nghề nghiệp cho sinh viên tâm lí học*. Tạp chí Đại học Tổng hợp Moscow, Ser. 14. Tâm lí học, số 2, tr 7-17 (Bản tiếng Nga).
- [4] Kolkova, X.M. (2007). *Sự phát triển nhân cách nhà tâm lí học tương lai trong quá trình học tập tại các trường đại học*. Tạp chí Tâm lí học giáo dục, số 12, tr 20-24 (Bản tiếng Nga).
- [5] Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (2016). *Tổng kết mô hình trường thực hành sư phạm vệ tinh*.